ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 254 /KH-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 01 năm 2015*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 373
Ngày: 20/01/15
Chuyển:

KẾ HOẠCH

Về việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Nghị quyết số 857/NQ-UBTVQH13 ngày 25/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 857/NQ-UBTVQH13) và Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 02/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi), Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát huy sức mạnh và quyền làm chủ của Nhân dân, huy động trí tuệ của toàn dân trong việc góp ý vào nội dung dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi); thể hiện ý chí, nguyện vọng, tạo sự đồng thuận của Nhân dân trên địa bàn tỉnh trong việc tham gia góp ý vào dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi).

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 857/NQ-UBTVQH13 và Quyết định số 01/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi).

- Nâng cao ý thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, đoàn thể và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh đối với việc tham gia góp ý sửa đổi Bộ luật dân sự (sửa đổi).

2. Yêu cầu

- Tổ chức lấy ý kiến với các hình thức thích hợp, tạo điều kiện thuận lợi để các tầng lớp Nhân dân tham gia góp ý vào dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) theo Nghị quyết số 857/NQ-UBTVQH13. Việc tổ chức lấy ý kiến phải được tiến hành rộng rãi, khoa học, công khai, bảo đảm tiến độ, chất lượng, thiết thực, tiết kiệm và có hiệu quả.

- Xác định cụ thể từng nội dung công việc, thời gian hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện lấy ý kiến đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi). Đảm bảo các ý kiến tham gia góp ý phải được tập hợp, tổng hợp đầy đủ, chính xác và báo cáo đúng tiến độ về thời gian và nội dung báo cáo phải có chất lượng.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp khẩn trương tập trung chỉ đạo việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi); có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ và thực hiện đầy đủ nội dung, đúng tiến độ đã nêu trong Kế hoạch này; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Việc tổ chức lấy ý kiến phải được coi là một nhiệm vụ trọng tâm cần được ưu tiên tập trung chỉ đạo thực hiện trong Qúy I/2015.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tập hợp, in ấn các tài liệu để phục vụ việc phổ biến, tuyên truyền các văn bản của Trung ương và của tỉnh về việc lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, báo cáo viên pháp luật cấp huyện và một số cơ quan, đơn vị, địa phương để phổ biến, tuyên truyền rộng rãi trong Nhân dân.

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.

- Thời gian thực hiện: Trong tháng 01/2015.

2. Tổ chức hội nghị cấp tỉnh để quán triệt, phổ biến, hướng dẫn các nội dung liên quan đến việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) cho lãnh đạo các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; lãnh đạo HĐND và UBND các huyện, thành phố và báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện.

- Cơ quan chủ trì: Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp - Cơ quan Thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh.

- Thời gian: Vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 01 năm 2015.

3. Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân

a) Nội dung lấy ý kiến về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) bao gồm:

- Lấy ý kiến Nhân dân về toàn bộ dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi), gồm: Quy định chung; Quyền sở hữu và các vật quyền khác; Nghĩa vụ và hợp đồng; Thừa kế; Pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài; Điều khoản thi hành; Kỹ thuật trình bày các quy định của Bộ luật dân sự. Trong đó, tập trung vào các vấn đề trọng tâm được xác định tại Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch này.

- Các sở, ban, ngành tổ chức lấy ý kiến về toàn bộ nội dung dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi); đồng thời, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của được giao, tập trung lấy ý kiến về những nội dung liên quan trực tiếp đến phạm vi, lĩnh vực hoạt động của sở, ban ngành quản lý và những vấn đề mà sở, ngành quan tâm.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ trì, phối hợp với Thường trực HĐND, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các thành viên của Mặt trận cùng cấp tổ chức lấy ý kiến về các nội dung của dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi), đồng thời, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tập trung lấy ý kiến sâu về những nội dung liên quan trực tiếp đến đặc thù phát triển kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán ở địa phương và những vấn đề mà địa phương quan tâm.

b) Hình thức lấy ý kiến:

- Dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) lấy ý kiến Nhân dân được đăng trên Báo Nhân dân; Trang thông tin điện tử của Quốc hội; Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tư pháp; Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi và Sở Tư pháp để Nhân dân tham gia, đóng góp ý kiến.

- Dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) được lấy ý kiến thông qua các hình thức sau:

+ Góp ý trực tiếp hoặc bằng văn bản gửi đến UBND tỉnh Quảng Ngãi (qua Sở Tư pháp, số 108 Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi);

+ Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm;

+ Thông qua Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp;

+ Các hình thức phù hợp khác.

Ghi chú: Tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến trên phong bì ghi rõ: ***"Thư góp ý về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi)"***

c) Đối tượng lấy ý kiến:

- Các tầng lớp Nhân dân.

- Các doanh nghiệp, trường đại học.

- Các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, luật sư, luật gia.

- Các cơ quan nhà nước ở địa phương: Các sở, ban, ngành; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan trực thuộc; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

d) Thời gian lấy ý kiến: **Bắt đầu từ ngày 05/01/2015 và kết thúc vào ngày 05/04/2015**.

4. Báo cáo tổng hợp ý kiến Nhân dân về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi):

Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cáo UBND tỉnh về quá trình và kết quả tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến Nhân dân đối với Bộ luật dân sự (sửa đổi). Nội dung của Báo cáo phải tập hợp đầy đủ, trung thực các ý kiến tham gia đóng

góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đảm bảo các nội dung chính dựa trên Đề cương báo cáo của Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này.

5. Phân công nhiệm vụ:

a) Sở Tư pháp:

- Phổ biến nội dung, cách thức lấy ý kiến về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) đến các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức hội nghị hoặc hội thảo để lấy ý kiến đóng góp về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) với thành phần là đại diện của các sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; các cơ quan Tư pháp, Phòng Tư pháp các huyện, thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp; đại diện một số đơn vị cấp huyện, cấp xã và một số chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ làm công tác thực tiễn.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) của các sở, ban, ngành, các đơn vị trực thuộc và địa phương.

- Tập hợp, tổng hợp kết quả lấy ý kiến về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) của các sở, ban, ngành, các đơn vị trực thuộc và các huyện, thành phố và ý kiến của các tổ chức, cá nhân được gửi về Sở Tư pháp; văn bản tập hợp, tổng hợp ý kiến nhân dân của các cơ quan thông tấn, báo chí.

- Xây dựng Báo cáo kết quả lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp đúng thời gian quy định.

b) Các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị:

- Phổ biến nội dung, cách thức lấy ý kiến về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) trong toàn ngành và cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý.

- Tổ chức lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) theo đúng nội dung Kế hoạch đề ra.

- Tiếp nhận, tổng hợp đầy đủ ý kiến của các cá nhân, tổ chức tham gia đóng góp đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) tại cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng Báo cáo kết quả lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị *(kèm theo tập tin điện tử)* báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Tư pháp)* để tổng hợp **trước ngày 05/4/2015**.

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi).

- Phổ biến nội dung, cách thức lấy ý kiến về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) ở địa phương và cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý. Chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân ở khu dân cư, thôn, tổ dân phố tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) theo hình thức thích hợp, đảm bảo có chất lượng và hiệu quả.

- Tổ chức hội nghị để thảo luận, tham gia lấy ý kiến đóng góp.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc quyền quản lý.

- Tiếp nhận ý kiến của cá nhân, tổ chức đóng góp.

- Xây dựng Báo cáo kết quả lấy ý kiến của địa phương *(kèm theo tập tin điện tử)* báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh *(qua Sở Tư pháp)* để tổng hợp **trước ngày 05/4/2015.**

Phòng Tư pháp có trách nhiệm giúp UBND các huyện, thành phố thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

d) Sở Thông tin và Truyền thông: Có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến bằng nhiều hình thức thích hợp trong quá trình tổ chức lấy ý kiến về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi).

đ) Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi, Báo Quảng Ngãi có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, phản ánh các nội dung liên quan đến dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) để cung cấp thông tin phục vụ cho việc đóng góp ý kiến. Mở chuyên trang, chuyên mục để đưa tin, đăng tải kịp thời những ý kiến tham gia góp ý, tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân đóng góp ý kiến và đưa tin đầy đủ, kịp thời, trung thực, khách quan những ý kiến đóng góp.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định hiện hành. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan lập dự toán kinh phí và tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch này.

2. Đối với UBND các huyện, thành phố: Kinh phí tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) do ngân sách địa phương đảm bảo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các Sở: Nội vụ, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi và các cơ quan, đơn vị, địa phương phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch; đảm bảo đúng yêu cầu, nội dung và tiến độ

đề ra. Trong quá trình thực hiện, Sở Tư pháp phải chủ động có văn bản đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố để việc triển khai lấy ý kiến Nhân dân thật sự có chất lượng, hiệu quả.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm triển khai Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) trong ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc quyền quản lý bằng những hình thức thích hợp và có hiệu quả.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai thực hiện Kế hoạch này. Đồng thời, tích cực phổ biến, tuyên truyền và vận động hội viên và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh tham gia đóng góp ý kiến về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) đạt hiệu quả cao. Tổng hợp và xây dựng Báo cáo kết quả lấy ý kiến về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) gửi về Sở Tư pháp **trước ngày 05/4/2015**.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo UBND tỉnh *(qua Sở Tư pháp, số điện thoại 055.3821595)* để hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Tư pháp (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các ngành: Công an, Quân sự, Biên phòng, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, HCTC, CBTH;
- Lưu: VT, NC_{lmc20}.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Thích

Phụ lục 1

CÁC VẤN ĐỀ TRONG THAM XIN Ý KIẾN NHÂN DÂN VỀ DỰ THẢO BỘ LUẬT DÂN SỰ (SỬA ĐỔI)

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 19/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc bảo vệ quyền dân sự

Bộ luật dân sự hiện hành quy định nguyên tắc tất cả các quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ (Điều 9) nhưng chưa quy định cụ thể trách nhiệm của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền khác trong việc thụ lý, giải quyết vụ, việc dân sự trong trường hợp chưa có quy định của pháp luật về vụ, việc dân sự đó.

Dự thảo Bộ luật bổ sung Điều 19, theo đó, Tòa án không được từ chối yêu cầu giải quyết vụ, việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng; trong trường hợp này, Tòa án căn cứ vào tập quán (Điều 11), nguyên tắc áp dụng pháp luật tương tự, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự và lẽ công bằng (Điều 12) để xem xét, giải quyết.

Về vấn đề này, hiện có hai loại ý kiến:

- Loại ý kiến thứ nhất: nhất trí với quy định của dự thảo Bộ luật vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, quy định như dự thảo Bộ luật sẽ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân một cách kịp thời và triệt để hơn vì Tòa án có trách nhiệm xem xét, giải quyết mọi tranh chấp dân sự, kể cả trong trường hợp không có luật điều chỉnh;

Thứ hai, quy định như dự thảo Bộ luật là nhằm triển khai thi hành một cách triệt để quy định tại khoản 3 Điều 102 Hiến pháp năm 2013, theo đó, "Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân";

Thứ ba, về kinh nghiệm quốc tế, ở nhiều nước cũng quy định Thẩm phán không được từ chối giải quyết các vụ, việc dân sự kể cả trong trường hợp chưa có quy định của luật.

- Loại ý kiến thứ hai: đề nghị không quy định vấn đề này trong Bộ luật dân sự vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, để Tòa án có thể giải quyết tất cả các tranh chấp dân sự, kể cả trong trường hợp không có luật thì cần giao cho Tòa án quyền "giải thích

pháp luật". Theo đó, trong trường hợp không có luật thì Thẩm phán, Hội thẩm căn cứ các nguyên tắc chung của pháp luật, niềm tin nội tâm và lẽ công bằng để đưa ra phán quyết. Các khái niệm này lại quá trừu tượng, không có tiêu chí rõ ràng; đồng thời Hiến pháp và Luật tổ chức Tòa án nhân dân không trao quyền giải thích pháp luật (theo nghĩa rộng như trên) cho Tòa án;

Thứ hai, khoản 2 Điều 103 Hiến pháp năm 2013 quy định, Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Việc quy định Thẩm phán và Hội thẩm phải đưa ra phán quyết kể cả trong trường hợp không có luật là chưa phù hợp với Hiến pháp;

Thứ ba, quy định này thiếu tính khả thi vì việc thực hiện trên thực tế đòi hỏi Thẩm phán, Hội thẩm phải được đào tạo một cách bài bản về nghiệp vụ, kỹ năng giải thích pháp luật;

Thứ tư, quy định này liên quan đến thẩm quyền, trách nhiệm của Tòa án, cần nghiên cứu để nếu cần thiết thì quy định trong Luật tổ chức Tòa án hoặc Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quyền nhân thân

Bộ luật dân sự hiện hành quy định 26 quyền nhân thân (từ Điều 26 đến Điều 51).

Dự thảo Bộ luật tiếp tục quy định các quyền nhân thân cụ thể (từ Điều 31 đến Điều 50), sửa đổi một số điều cho phù hợp với Hiến pháp như quyền được bảo đảm an toàn về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân (thay cho quyền bí mật đời tư)..., đồng thời bổ sung một số quyền mới như quyền lập hội, quyền tiếp cận thông tin, quyền sống.... Ngoài ra, Điều 51 dự thảo Bộ luật quy định, các quyền nhân thân khác về dân sự đều được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.

Về vấn đề này, hiện có hai loại ý kiến:

- Loại ý kiến thứ nhất: nhất trí với quy định của dự thảo Bộ luật, theo đó, Bộ luật dân sự cần cụ thể hóa các quyền nhân thân được quy định trong Hiến pháp và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Loại ý kiến này dựa trên các căn cứ sau đây:

Thứ nhất, các quy định của Hiến pháp mang tính khái quát cao, Bộ luật dân sự với tư cách là luật chung của hệ thống luật tư cần quy định cụ thể, chi tiết các quyền nhân thân đã được quy định trong Hiến pháp làm cơ sở cho các luật hoặc văn bản dưới luật khác quy định, bảo vệ các quyền nhân thân của cá nhân;

Thứ hai, việc quy định cụ thể các quyền nhân thân sẽ tạo thuận lợi hơn cho việc áp dụng pháp luật trong thực tiễn;

Thứ ba, việc quy định cụ thể các quyền nhân thân trong Bộ luật dân sự là truyền thống của pháp luật dân sự Việt Nam từ Bộ luật dân sự năm 1995, Bộ luật dân sự năm 2005 và thực tiễn áp dụng cũng không cho thấy có bất cập lớn.

- Loại ý kiến thứ hai: đề nghị Bộ luật dân sự không nên quy định lại các quyền nhân thân đã được ghi nhận trong Hiến pháp mà chỉ nên quy định một số quyền nhằm xác định tư cách chủ thể của cá nhân trong quan hệ dân sự, như là: quyền về họ, tên, nơi cư trú và một số quyền nhân thân đặc thù không quy định cụ thể trong Hiến pháp, như là: quyền xác định lại giới tính, quyền đối với hình ảnh, quyền được khai sinh, khai tử...

Loại ý kiến này dựa trên các căn cứ sau đây:

Thứ nhất, việc Bộ luật dân sự quy định lại các quyền nhân thân đã được quy định trong Hiến pháp là không cần thiết. Trong trường hợp có tranh chấp về quyền nhân thân, có thể áp dụng trực tiếp các quy định của Hiến pháp để giải quyết;

Thứ hai, theo kinh nghiệm của một số nước, Bộ luật dân sự chỉ quy định các quyền nhân thân có liên quan trực tiếp đến việc xác định tư cách chủ thể của cá nhân trong quan hệ dân sự, như quyền về họ, tên; quyền về nơi cư trú.

3. Về chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự

Bộ luật dân sự hiện hành quy định chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự bao gồm cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác.

Dự thảo Bộ luật chỉ quy định chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự là cá nhân và pháp nhân, đồng thời có một số quy định riêng về việc tham gia quan hệ pháp luật dân sự của các thành viên hộ gia đình, tổ hợp tác, các tổ chức khác không có tư cách pháp nhân (từ Điều 119 đến Điều 121); một số quy định riêng về việc tham gia quan hệ dân sự của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan nhà nước ở trung ương và ở địa phương (từ Điều 115 đến Điều 118).

Về vấn đề này, hiện có hai loại ý kiến:

- Loại ý kiến thứ nhất: nhất trí với quy định của dự thảo Bộ luật vì những lý do sau đây:

Thứ nhất, các thành viên của hộ gia đình thường xuyên có sự thay đổi (do tách, nhập, sinh, tử, kết hôn...) nên việc xác định thành viên của hộ gia đình khi có tranh chấp để xác định quyền và nghĩa vụ gặp nhiều khó khăn;

Thứ hai, khó xác định "tài sản chung của hộ gia đình", "lợi ích chung" của hộ gia đình khi tham gia quan hệ dân sự và điều đó gây khó khăn trong việc xác định trách nhiệm dân sự của cá nhân hay trách nhiệm dân sự của hộ gia đình;

Thứ ba, về tổ hợp tác, hiện nay có gần 80% tổ hợp tác không đăng ký chứng thực và các quy định về tổ hợp tác hiện hành gây nhiều khó khăn trong việc xác định tư cách pháp lý của tổ hợp tác, phân định trách nhiệm dân sự của tổ hợp tác và trách nhiệm dân sự của từng thành viên tổ hợp tác;

Thứ tư, việc quy định hộ gia đình, tổ hợp tác là chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự như Bộ luật hiện hành đã gây ra nhiều khó khăn cho hoạt động áp dụng pháp luật, đặc biệt là cho Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp có sự tham gia của hộ gia đình, tổ hợp tác vì hầu như không có hộ gia đình, tổ hợp tác là nguyên đơn hay bị đơn dân sự;

Thứ năm, việc chỉ quy định chủ thể quan hệ pháp luật dân sự gồm có cá nhân và pháp nhân là phù hợp thông lệ quốc tế.

- Loại ý kiến thứ hai: đề nghị tiếp tục ghi nhận hộ gia đình và tổ hợp tác là các chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự như Bộ luật dân sự hiện hành vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, hộ gia đình, tổ hợp tác là những thực thể đang tồn tại trong xã hội và tham gia vào nhiều quan hệ pháp luật dân sự, như quan hệ sử dụng đất đai, điện, nước... Hiện nay có khoảng 370.000 tổ hợp tác đang hoạt động ở nước ta, mô hình tổ hợp tác đang ngày càng phát triển và là một trong những tiền đề để thành lập hợp tác xã và doanh nghiệp. Việc không ghi nhận tổ hợp tác như là một loại chủ thể quan hệ pháp luật dân sự có thể làm giảm vai trò và sự phát triển của các tổ hợp tác;

Thứ hai, việc quy định hộ gia đình và tổ hợp tác là chủ thể quan hệ pháp luật dân sự là cần thiết, xuất phát từ các điều kiện đặc thù về kinh tế, văn hóa, xã hội, gia đình và lịch sử của Nhà nước ta;

Thứ ba, một số luật hiện hành cũng đã ghi nhận hộ gia đình và tổ hợp tác là chủ thể của quan hệ pháp luật như Luật đất đai, Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật bảo hiểm y tế, Luật hợp tác xã...;

Thứ tư, các hạn chế, bất cập trong các quy định pháp luật về hộ gia đình, tổ hợp tác hiện nay là có thật nhưng có thể khắc phục được trong quá trình hoàn thiện pháp luật để tạo cơ sở pháp lý tốt hơn cho hộ gia đình, tổ hợp tác tồn tại và phát triển.

4. Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự không tuân thủ quy định về hình thức

Điều 134 Bộ luật dân sự hiện hành quy định: "Trong trường hợp pháp luật quy định hình thức là điều kiện có hiệu lực của giao dịch mà các bên không tuân theo thì theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác quyết định buộc các bên thực hiện quy định về hình thức của giao dịch trong một thời hạn; quá thời hạn đó mà không thực hiện thì giao dịch vô hiệu".

Khoản 1 Điều 145 dự thảo Bộ luật quy định:

"1. Trường hợp luật quy định hình thức là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự mà hình thức đó không được tuân thủ thì giao dịch dân sự đó bị vô hiệu, trừ các trường hợp sau đây:

a) Việc không tuân thủ quy định về hình thức không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người khác và chủ thể giao dịch dân sự đã chuyển giao tài sản hoặc đã thực hiện công việc. Trong trường hợp này, theo yêu cầu của một hoặc các bên, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hoàn tất thủ tục đối với giao dịch dân sự đó;

b) Trường hợp chủ thể chưa chuyển giao tài sản hoặc chưa thực hiện công việc thì theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án cho phép thực hiện quy định về hình thức của giao dịch dân sự trong một thời hạn hợp lý; quá thời hạn đó mà không thực hiện thì giao dịch dân sự đó bị vô hiệu."

Về vấn đề này, hiện có hai loại ý kiến:

- Loại ý kiến thứ nhất: nhất trí với quy định của dự thảo Bộ luật vì quy định như vậy là phù hợp với thực tiễn ký kết, thực hiện hợp đồng ở nước ta; bảo đảm tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể xác lập quan hệ hợp đồng cũng như quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba; góp phần bảo đảm sự ổn định của quan hệ thị trường.

- Loại ý kiến thứ hai: đề nghị tiếp tục duy trì quy định như Bộ luật dân sự hiện hành để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, theo đó, trong trường hợp pháp luật quy định hình thức bắt buộc của giao dịch thì chủ thể của giao dịch phải tuân thủ hình thức đó, nếu không tuân thủ thì giao dịch bị tuyên bố vô hiệu; pháp luật hiện hành chỉ quy định giao dịch được xác lập dưới hình thức bắt buộc trong một số trường hợp liên quan đến bất động sản và động sản có giá trị lớn (ôtô, xe máy, tàu bay...) và việc quy định các bên bắt buộc phải tuân thủ hình thức này là nhằm góp phần quản lý nhà nước đối với các loài tài sản nêu trên.

5. Về bảo vệ người thứ ba ngay tình trong trường hợp giao dịch dân sự bị vô hiệu

Điều 138 Bộ luật dân sự hiện hành quy định trường hợp giao dịch dân sự bị Tòa án tuyên bố vô hiệu nhưng tài sản là bất động sản hoặc động sản phải đăng ký quyền sở hữu đã chuyển giao cho người thứ ba ngay tình thì giao dịch với người thứ ba bị vô hiệu và chủ sở hữu được nhận lại tài sản của mình, trừ hai trường hợp: (1) Người thứ ba nhận được tài sản thông qua bán đấu giá; (2) Người thứ ba giao dịch với người mà theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chủ sở hữu tài sản nhưng sau đó người này không phải là chủ sở hữu tài sản do bản án, quyết định bị hủy, sửa.

Điều 148 dự thảo Bộ luật quy định: "2. Trường hợp đối tượng của giao dịch dân sự là tài sản phải đăng ký quyền sở hữu mà tài sản đó đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sau đó được chuyển giao bằng một giao dịch khác cho người thứ ba và người này căn cứ vào việc đăng ký đó mà xác lập, thực hiện giao dịch thì giao dịch đó không bị vô hiệu, trừ trường hợp người thứ ba biết hoặc phải biết tài sản là đối tượng của giao dịch đã bị chiếm đoạt bất hợp pháp hoặc ngoài ý chí của chủ sở hữu; 3. Trường hợp đối tượng của giao dịch dân sự là tài sản phải đăng ký quyền sở hữu mà tài sản đó chưa được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đã được chuyển giao bằng một giao dịch khác cho người thứ ba thì giao dịch này bị vô hiệu, trừ trường hợp người thứ ba ngay tình nhận được tài sản này thông qua bán đấu giá hoặc giao dịch với người mà theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chủ sở hữu tài sản nhưng sau đó người này không phải là chủ sở hữu tài sản do bản án, quyết định bị hủy, sửa".

Về vấn đề này, hiện có hai loại ý kiến:

- Loại ý kiến thứ nhất: nhất trí với quy định của dự thảo Bộ luật vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, quy định như dự thảo Bộ luật góp phần bảo đảm tốt hơn, công bằng, hợp lý hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người thiện chí, ngay tình trong giao lưu dân sự, theo đó, nếu người thứ ba ngay tình căn cứ vào việc tài sản đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà xác lập giao dịch thì người thứ ba ngay tình được bảo vệ;

Thứ hai, Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 168, Điều 439, Điều 692), Luật đất đai năm 2013 (khoản 3 Điều 188) quy định thời điểm xác lập, thay đổi, chấm dứt quyền sở hữu đối với bất động sản, động sản có đăng ký quyền sở hữu được tính từ thời điểm đăng ký. Dự thảo Bộ luật tại khoản 3 Điều 182 về cơ bản kế thừa quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và phù hợp với quy định của Luật đất đai năm 2013. Do đó, việc quy định bảo vệ người thứ ba ngay tình trong trường hợp tài sản đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là phù hợp với nguyên tắc đăng ký bất động sản hiện nay, bảo đảm sự ổn định trong các quan hệ dân sự;

Thứ ba, quy định như dự thảo Bộ luật góp phần thay đổi nhận thức của người dân đối với công tác đăng ký tài sản, đồng thời góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cán bộ làm công tác đăng ký tài sản.

- Loại ý kiến thứ hai: đề nghị giữ như quy định của Bộ luật dân sự hiện hành vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, nguyên tắc ưu tiên bảo vệ chủ sở hữu tại Điều 138 Bộ luật dân sự hiện hành là kế thừa Bộ luật dân sự năm 1995 và đã được áp dụng ổn định trong gần 20 năm qua;

Thứ hai, bảo vệ tốt hơn quyền của chủ sở hữu tài sản là đối tượng của giao dịch và phù hợp với tinh thần bảo vệ quyền sở hữu được quy định tại Điều 32 Hiến pháp;

Thứ ba, bảo đảm tính khả thi khi việc đăng ký bất động sản hiện nay ở nước ta đang có nhiều bất cập, còn nhiều sai sót mà chưa thể khắc phục ngay được.

6. Về hình thức sở hữu

Bộ luật dân sự hiện hành quy định 6 hình thức sở hữu là: (1) Sở hữu nhà nước; (2) Sở hữu tập thể; (3) Sở hữu tư nhân; (4) Sở hữu chung; (5) Sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; (6) Sở hữu của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, sở hữu của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Dự thảo Bộ luật quy định ba hình thức sở hữu, bao gồm sở hữu toàn dân, sở hữu riêng và sở hữu chung (Điều 213 và các điều từ Điều 224 đến Điều 247).

Về vấn đề này, hiện có hai loại ý kiến:

- Loại ý kiến thứ nhất: nhất trí với quy định của dự thảo Bộ luật vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, Điều 53 Hiến pháp đã quy định về sở hữu toàn dân và Bộ luật dân sự cần ghi nhận hình thức sở hữu toàn dân để phù hợp với Hiến pháp;

Thứ hai, đối tượng của sở hữu toàn dân là những tài sản có giá trị lớn, là tư liệu sản xuất chủ yếu của đất nước, do đó sở hữu toàn dân là hình thức sở hữu rất quan trọng cả về mặt kinh tế và chính trị. Vì vậy, sở hữu toàn dân cần được coi là một hình thức sở hữu độc lập;

Thứ ba, cơ chế thực hiện quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với tài sản thuộc hình thức sở hữu toàn dân có nhiều điểm đặc thù so với các hình thức sở hữu khác do chỉ có Nhà nước mới có quyền chiếm hữu, sử dụng, định

đoạt tài sản thuộc sở hữu toàn dân và có chế độ pháp lý riêng cho Nhà nước thực hiện quyền này, do vậy cần quy định hình thức sở hữu toàn dân trong Bộ luật dân sự.

- Loại ý kiến thứ hai: đề nghị quy định hai hình thức sở hữu, bao gồm sở hữu riêng và sở hữu chung, trong đó, sở hữu toàn dân là một dạng đặc biệt của sở hữu chung (sở hữu chung hợp nhất không thể phân chia do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý).

Ý kiến này dựa trên các lý do sau đây:

Thứ nhất, giống như loại ý kiến thứ nhất, việc quy định sở hữu chung và sở hữu riêng là dựa trên việc một hay nhiều người (chủ thể) thực hiện quyền sở hữu (một người thực hiện quyền là sở hữu riêng; nhiều người thực hiện quyền là sở hữu chung), không căn cứ vào việc xác định người (chủ thể) cụ thể thực hiện quyền sở hữu (như Nhà nước, cá nhân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội...) như Bộ luật hiện hành và sự phân loại này cũng được nhiều quốc gia áp dụng;

Thứ hai, sở hữu toàn dân được hiểu là một hình thức sở hữu chung do toàn dân là chủ sở hữu mà Nhà nước là người đại diện, do đó không nên quy định sở hữu toàn dân như một hình thức sở hữu độc lập. Tuy nhiên, việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản thuộc sở hữu toàn dân có sự khác biệt với các hình thức sở hữu chung khác nên cần quy định thành một mục riêng trong chế định về sở hữu chung.

- Bên cạnh đó, có ý kiến đề nghị Bộ luật dân sự cần quy định ba hình thức sở hữu, bao gồm sở hữu nhà nước, sở hữu tư nhân và sở hữu chung vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, sở hữu toàn dân được quy định trong Hiến pháp (Điều 53) nên được hiểu là chế độ sở hữu. Trong một quan hệ pháp luật dân sự cụ thể, cần xác định chủ thể là ai, cá nhân hay tổ chức nào có quyền và có nghĩa vụ dân sự. Trong sở hữu toàn dân thì không tồn tại chủ thể là toàn dân mà chỉ có Nhà nước mới có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản công (với tư cách đại diện toàn dân). Do đó, nên hiểu sở hữu toàn dân là chế độ sở hữu còn hình thức sở hữu là sở hữu nhà nước;

Thứ hai, hình thức sở hữu nhà nước đã được quy định trong Bộ luật dân sự hiện hành và nhiều văn bản pháp luật khác trong 10 năm qua. Việc không quy định hình thức sở hữu nhà nước trong Bộ luật dân sự sẽ dẫn đến phải sửa đổi nhiều văn bản và phát sinh nhiều chi phí;

Thứ ba, Điều 32 Hiến pháp quy định quyền sở hữu tư nhân được pháp luật bảo hộ. Đây là quy định mới, rất quan trọng, lần đầu tiên quyền sở hữu tư nhân được ghi nhận trong Hiến pháp, thể hiện tư tưởng, chính sách của Đảng

và Nhà nước về vấn đề sở hữu. Theo đó, Bộ luật dân sự cần quy định rõ, cụ thể hình thức "sở hữu tư nhân";

Thứ tư, việc quy định sở hữu nhà nước, sở hữu tư nhân, sở hữu chung là thể hiện sự kế thừa có chọn lọc các quy định của Bộ luật dân sự hiện hành.

7. Về thời điểm xác lập quyền sở hữu và các vật quyền khác

Điều 168 Bộ luật dân sự hiện hành quy định "Việc chuyển quyền sở hữu đối với bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký quyền sở hữu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

Điều 182 Dự thảo Bộ luật quy định:

"1. Việc xác lập quyền sở hữu và vật quyền khác có hiệu lực kể từ thời điểm tài sản được chuyển giao, nếu hợp đồng hoặc luật không có quy định khác.

Trường hợp hợp đồng và luật cùng quy định nhưng khác nhau về thời điểm xác lập quyền sở hữu, vật quyền khác thì áp dụng theo quy định của luật.

Thời điểm tài sản được chuyển giao được hiểu là thời điểm bên có quyền hoặc người đại diện hợp pháp của họ trực tiếp nắm giữ, chi phối tài sản.

2. Trường hợp tài sản đã được chuyển giao trước thời điểm hợp đồng được giao kết thì quyền sở hữu và vật quyền khác được xác lập kể từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, trừ trường hợp luật hoặc hợp đồng có quy định khác.

3. Trường hợp luật quy định việc chuyển giao vật phải được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền thì thời điểm xác lập quyền sở hữu và vật quyền khác có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký".

Về vấn đề này, hiện có hai loại ý kiến:

- Loại ý kiến thứ nhất: nhất trí với quy định của dự thảo Bộ luật vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, quy định này giúp phân định rõ ràng hơn thời điểm giao dịch được xác lập (có hiệu lực) với thời điểm quyền sở hữu hoặc vật quyền khác được xác lập;

Thứ hai, quy định này vừa thể hiện sự tôn trọng của Nhà nước ta đối với quyền của các chủ thể của quan hệ dân sự trong việc thỏa thuận để xác định thời điểm xác lập quyền đối với tài sản, vừa bảo đảm việc tuân thủ các quy

định mang tính nguyên tắc trong việc xác định thời điểm chuyển quyền đối với một số tài sản đặc biệt như bất động sản;

Thứ ba, bảo đảm sự đồng bộ của Bộ luật dân sự với quy định của các luật khác có liên quan như Luật đất đai, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản...;

- Loại ý kiến thứ hai: đề nghị quy định một nguyên tắc thống nhất, theo đó, thời điểm xác lập quyền sở hữu và vật quyền khác đối với bất động sản được tính từ thời điểm tài sản được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền và các bên đã hoàn tất thủ tục trước bạ sang tên vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, thúc đẩy việc xây dựng được một hệ thống đăng ký tài sản thống nhất, minh bạch, qua đó tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước đối với bất động sản và thị trường bất động sản, góp phần ổn định thị trường bất động sản và nguồn thu ngân sách Nhà nước;

Thứ hai, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, hạn chế được tình trạng ly khai của các luật chuyên ngành khi điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến bất động sản.

8. Về điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi

Bộ luật dân sự hiện hành không quy định tòa án có quyền điều chỉnh hợp đồng của các bên khi hoàn cảnh thay đổi. Điều này thể hiện sự tôn trọng tuyệt đối của Nhà nước đối với quyền tự do ý chí, tự do định đoạt của các chủ thể trong quan hệ hợp đồng.

Điều 443 dự thảo Bộ luật về điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi quy định trường hợp hoàn cảnh thay đổi dẫn đến quyền, lợi ích của một trong các bên bị ảnh hưởng nghiêm trọng thì cho phép các bên điều chỉnh hợp đồng; trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận trong một khoảng thời gian hợp lý thì Tòa án có thể: a) Chấm dứt hợp đồng vào ngày và theo những điều khoản do Tòa án quyết định; b) Điều chỉnh hợp đồng để phân chia cho các bên các thiệt hại và lợi ích phát sinh từ việc thay đổi hoàn cảnh một cách công bằng và bình đẳng. Tùy theo từng trường hợp, Tòa án có thể buộc bên từ chối đàm phán hoặc phá vỡ đàm phán một cách không thiện chí, trung thực phải bồi thường thiệt hại.

Về vấn đề này, hiện có hai loại ý kiến:

- Loại ý kiến thứ nhất: nhất trí với quy định trong dự thảo Bộ luật vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, việc cho phép Tòa án điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi không vi phạm nguyên tắc tự do ý chí, tự do định đoạt của các chủ thể

quan hệ hợp đồng mà là sự cụ thể hóa nguyên tắc về tính có giới hạn của việc thực hiện quyền dân sự được quy định tại Điều 16 dự thảo Bộ luật. Theo yêu cầu của nguyên tắc này thì để bảo đảm cân bằng lợi ích của các bên trong hợp đồng, sự ổn định của các quan hệ dân sự, thương mại có liên quan, cần cho phép Tòa án có thể điều chỉnh hợp đồng theo các điều kiện chặt chẽ được quy định trong Bộ luật dân sự;

Thứ hai, việc cho phép Tòa án điều chỉnh hợp đồng sẽ thúc đẩy các hợp đồng được thực hiện trong thực tiễn, đẩy mạnh giao lưu dân sự.

- Loại ý kiến thứ hai: đề nghị không quy định như dự thảo Bộ luật vì quy định như vậy là không phù hợp với bản chất của hợp đồng là sự tự do ý chí, tự do thỏa thuận. Các cơ quan nhà nước, trong đó có Tòa án không được và không nên can thiệp vào sự tự do của các bên khi tham gia các giao dịch dân sự nói chung và hợp đồng nói riêng. Bộ luật dân sự hiện hành và dự thảo Bộ luật đã quy định về sửa đổi hợp đồng, trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi thì các bên có quyền thỏa thuận để sửa đổi hợp đồng, nếu hoàn cảnh thay đổi đến mức không thể thực hiện được hợp đồng thì hợp đồng chấm dứt theo sự thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật. Việc cho phép Tòa án can thiệp đến mức phân chia thiệt hại, buộc phải đàm phán, buộc bồi thường thiệt hại khi một bên không đàm phán như dự thảo Bộ luật là không đúng với bản chất của hợp đồng và không khả thi trên thực tiễn.

9. Về lãi suất trong hợp đồng vay tài sản

Điều 476 Bộ luật dân sự hiện hành quy định, lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.

Điều 491 dự thảo Bộ luật quy định, lãi suất vay do các bên thỏa thuận hoặc do luật định. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 200% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại vay tương ứng, trừ trường hợp luật có quy định khác. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định ở khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Về vấn đề này, hiện có hai loại ý kiến:

- Loại ý kiến thứ nhất: nhất trí với quy định của dự thảo Bộ luật vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, quy định mức lãi suất trần dựa trên lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là để tạo ra sự thống nhất về xác định lãi suất trong hợp đồng vay tài sản, ngăn ngừa việc cho vay nặng lãi;

Thứ hai, việc công bố lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước thực hiện đã được quy định tại Điều 12 Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Thứ ba, việc xác định một mức lãi suất trần cụ thể trong Bộ luật dân sự là không phù hợp với tình hình phát triển năng động của nền kinh tế ở nước ta.

- Loại ý kiến thứ hai: đề nghị quy định một mức lãi suất trần cụ thể trong Bộ luật dân sự, không sử dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố làm lãi suất tham chiếu, đồng thời, quy định nguyên tắc, thẩm quyền thay đổi mức lãi suất cụ thể này khi cần thiết vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, theo thông lệ, lãi suất cơ bản chỉ là mức lãi suất chung với mục đích để điều hành chính sách tiền tệ, không mang tính thị trường, lãi suất này không được chia thành các mức lãi suất khác nhau để áp dụng cho các thời hạn khác nhau, chủ thể tham gia giao dịch khó có thể biết mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố có phù hợp với loại vay tương ứng hay không. Do đó, sử dụng lãi suất cơ bản để điều chỉnh các quan hệ dân sự là không phù hợp, sẽ gây khó khăn cho các chủ thể khi tham gia giao dịch dân sự trên thực tế;

Thứ hai, việc quy định cụ thể mức lãi suất trong Bộ luật dân sự sẽ đảm bảo được tính rõ ràng minh bạch, dễ áp dụng, các bên tham gia giao dịch dân sự có thể biết ngay hậu quả pháp lý khi xác lập hợp đồng vay.

10. Về thời hiệu

Điều 155 Bộ luật dân sự hiện hành quy định các loại thời hiệu sau: (1) Thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự (gọi chung là thời hiệu khởi kiện); (2) Thời hiệu hưởng quyền dân sự và (3) Thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ dân sự. Trong đó, thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết vụ, việc dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đã bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện hoặc mất quyền yêu cầu.

Dự thảo Bộ luật quy định chung về thời hiệu (Điều 167 - Điều 180) và thời hiệu thừa kế (Điều 646) theo hướng: cá nhân, pháp nhân phải yêu cầu Tòa án giải quyết vụ, việc dân sự trong thời hạn luật định; hết thời hạn đó mà cá nhân, pháp nhân mới có yêu cầu thì thay vì từ chối giải quyết yêu cầu như quy định hiện hành, Tòa án vẫn phải thụ lý, giải quyết và tuyên bố chủ thể được hưởng quyền dân sự hoặc được miễn trừ nghĩa vụ dân sự.

Về vấn đề này, hiện có hai loại ý kiến:

- Loại ý kiến thứ nhất: nhất trí với quy định của dự thảo Bộ luật vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, quy định này là phù hợp với bản chất pháp lý của thời hiệu, tạo công cụ pháp lý tốt hơn để Tòa án bảo vệ các quyền dân sự của tổ chức, cá nhân. Việc quy định thời hiệu khởi kiện như hiện hành chưa giúp giải quyết được một cách triệt để và dứt điểm các tranh chấp phát sinh. Bên cạnh đó, khi không được Nhà nước bảo vệ quyền lợi thì các chủ thể có thể sử dụng những biện pháp hành xử ngoài vòng pháp luật để xử lý nội bộ với nhau, gây mất trật tự, an toàn xã hội;

Thứ hai, quy định này là để hạn chế tình trạng Tòa án có thể căn cứ vào thời hiệu mà từ chối yêu cầu giải quyết vụ việc, góp phần cụ thể hóa và triển khai thi hành khoản 3 Điều 102 Hiến pháp năm 2013, theo đó, "Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân";

Thứ ba, nghiên cứu kinh nghiệm lập pháp của một số nước cho thấy, Bộ luật dân sự của các nước cũng quy định về thời hiệu hưởng quyền dân sự, miễn trừ nghĩa vụ dân sự; không quy định về thời hiệu là căn cứ để Tòa án từ chối giải quyết vụ, việc dân sự.

- Loại ý kiến thứ hai: đề nghị tiếp tục quy định về thời hiệu khởi kiện như Bộ luật dân sự hiện hành vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, để nâng cao trách nhiệm của các bên trong việc yêu cầu Nhà nước bảo vệ quyền lợi cho mình;

Thứ hai, không tạo áp lực cho Tòa án trong việc giải quyết những vụ việc đã xảy ra trong thời gian dài, khó xác định về chứng cứ cũng như nội dung vụ việc;

Thứ ba, thời hiệu khởi kiện đã được quy định và áp dụng ổn định trong pháp luật dân sự và pháp luật về tố tụng dân sự ở nước ta; việc bỏ quy định về loại thời hiệu này có thể gây ra những xáo trộn nhất định trong thi hành pháp luật./.

Phụ lục 2

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÓNG GÓP Ý KIẾN CỦA NHÂN DÂN ĐỐI VỚI DỰ THẢO BỘ LUẬT DÂN SỰ (SỬA ĐỔI)

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 259 /KH-UBND ngày 19 /01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO

Báo cáo kết quả lấy ý kiến của Nhân dân về dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) gồm các nội dung chính được trình bày theo bố cục sau:

I. Quá trình tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi)

- Công tác tổ chức lấy ý kiến;

- Các hình thức tổ chức lấy ý kiến;

- Các đối tượng được lấy ý kiến;

- Các đối tượng đóng góp ý kiến và được tổng hợp vào Báo cáo.

II. Đánh giá chung đối với dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi)

Nhận xét chung về ưu điểm, nhược điểm của toàn bộ dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi), gồm:

- Sự phù hợp của dự thảo Bộ luật dân sự với các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng;

- Sự phù hợp của dự thảo Bộ luật dân sự với Hiến pháp, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

- Việc giải quyết những vấn đề bất cập, tồn tại của thực tiễn đặt ra trong quá trình tổng kết việc thi hành Bộ luật dân sự;

- Về tính dự báo và ổn định lâu dài của dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi).

III. Ý kiến cụ thể về nội dung của dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi)

1. Về các quy định cụ thể của dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi)

a) Tham gia ý kiến vào toàn bộ dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi), bao gồm: những nội dung cụ thể cần sửa đổi, đề xuất phương án sửa đổi và lý do của việc sửa đổi; những nội dung cần bổ sung hoặc đưa ra khỏi dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi), lý do bổ sung, lý do đưa ra khỏi dự thảo;

b) Tham gia ý kiến sâu về những vấn đề trọng tâm được xác định tại Phụ lục 1 của Kế hoạch này.

2. Về kỹ thuật lập pháp

- Về bố cục và kết cấu, vị trí của các chương, điều, khoản của dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi);

- Về ngôn ngữ diễn đạt và kỹ thuật xây dựng của các quy định của dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi).

B. YÊU CẦU TRÌNH BÀY ĐỐI VỚI NỘI DUNG BÁO CÁO

- Báo cáo phải tập hợp và phản ánh đầy đủ, khách quan, trung thực các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Đối với mỗi nội dung của Dự thảo được góp ý thì cần chú thích cụ thể từng đối tượng góp ý, như là ý kiến của chuyên gia, nhà khoa học, ý kiến của cử tri, ý kiến của cơ quan chuyên môn..../.